TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH LƯU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày: 27-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Vũ Thị Thịnh.
- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 201/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bì Văn Th** (tên gọi khác: không); sinh năm: 1986 tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm Tuần A, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bì Văn T và bà: Lê Thị H; vợ: Hồ Thị L và 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/11/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xử phạt 06 (sáu) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 79/2010/HSST), đã chấp hành xong hình phạt ngày 21/4/2011 (giấy chứng nhận số 45/GCN-CHXHPT), ngày 17/3/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 12 (mười hai) tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản" (bản án số 13/2017/HSST), chấp hành xong hình phạt ngày 12/11/2017 (giấy chứng nhận số 730/GCN); bị tạm giữ: từ ngày 02/10/2020 đến ngày 10/10/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:
1. Anh Phạm Ngọc Th1, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm Đông Xuân, xã

QuTh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Xóm 9, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Anh Hoàng Đình D, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm Bá Ngọc, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

4. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Xóm 7, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Anh Hồ Văn Ph, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Xóm 4, xã TS, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Văn Qu, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Xóm 4A, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

7. Anh Lê Văn M, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Xóm 23, xã QL, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

8. Chị Hồ Thị L, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Xóm Tuần A, xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 16^{h} ngày 01/10/2020, tổ công tác Công an huyện Quỳnh Lưu phối hợp với Công an xã Quỳnh Châu lập Biên bản sự việc Phạm Ngọc Th1 đang trả tiền nợ và tiền lãi cho Bì Văn Th, thu giữ của Th1 số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh đã qua sử dụng, thu giữ của Th số tiền 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng và 07 (bảy) giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Th.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Bì Văn Th, thu số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) trong két sắt tại phòng ngủ; thu trong tủ kính: 01 (một) Giấy phép lái xe số 400118400602 mang tên Phan Thanh T, 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 041923 mang tên Hoàng Đình D, 01 (một) giấy biên nhận nội dung Hoàng Đình D (Bá Ngọc) cắm xe máy Exciter mang biển kiểm soát 37L2-19462 số tiền 10.000.000đ; thu tại nhà phía sau: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha loại Novo LX màu xanh trắng mang biển kiểm soát 37L1-45921, 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha màu trắng đỏ biển kiểm soát 37L2-19462 và 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave màu xanh mang biển kiểm soát 37N3-6452.

Quá trình điều tra Bì Văn Th khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 01/10/2020, Th cho nhiều người vay tiền để lấy lãi suất 3000đ/1

triệu/ngày hoặc 5000đ/1triệu/ngày, cụ thể:

- Giao dịch với anh Nguyễn Văn Tr:

Lần thứ nhất: Đầu tháng 02/2020, cho anh Tr vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 5000đ/1triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm, hai bên có viết giấy vay nợ kèm theo. Th cắt lãi 2.000.000đ/20ngày/20.000.000đ.

Tiền thu lãi hợp pháp là 20.000.000đ x 20% : 365 ngày x 20 ngày = 219.178đ.

Tiền thu lợi bất chính là 2.000.000đ - 219.178đ = 1.780.822đ.

Lần thứ hai: Ngày 15/02/2020, anh Tr tiếp tục vay Th số tiền 10.000.000đ, lãi suất 5000đ/1 triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm. Lúc này tổng số tiền gốc vay là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), Th cắt lãi 2.000.000đ/13ngày/30.000.000đ.

Tiền thu lãi hợp pháp là 30.000.000đ x 20% : 365 ngày x 13 ngày = 213.699đ.

Tiền thu lợi bất chính là 2.000.000đ - 213.699đ = 1.786.301đ.

Hết 13 ngày, anh Trọng trả cho Th số tiền lãi 5.000.000đ/33ngày/30.000.000đ.

Tiền thu lãi hợp pháp là 30.000.000đ x 20% : 365 ngày x 33 ngày = 542.465đ.

Tiền thu lợi bất chính là 5.000.000đ - 542.465đ = 4.457.535đ.

Tổng số tiền Th thu lợi bất chính trong giao dịch cho vay với anh Tr: 8.024.658đ (tám triệu không trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Anh Tr đã trả số tiền gốc 30.000.000đ cho Th.

- Giao dịch với anh Hoàng Đình D: Ngày 14/8/2020, Th cho anh D vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất 3000đ/1triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm, anh D đã cầm cố xe máy Yamah loại Exciter 150 màu đỏ trắng, mang biển kiểm soát 37L2-194.62 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 041923. Ngày 14/9/2020 anh D trả cho Th số tiền lãi 900.000đ/30ngày.

Tiền thu lãi hợp pháp là 10.000.000đ x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 164.383đ.

Tiền thu lợi bất chính là 900.000đ - 164.383đ = 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

Sau đó, anh D tiếp tục vay thêm 5.000.000đ, lãi 3000đ/triệu/ngày, nhưng Th chưa thu lãi.

Anh D chưa trả tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho Thanh.

- Giao dịch với chị Nguyễn Thị M: Ngày 31/8/2020 Th cho chị M vay số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi 3000đ/ngày, tương đương 109,5%/năm. Th thu tiền lãi 900.000đ/30 ngày.

Tiền thu lãi hợp pháp là 10.000.000đ x 20% : 365 ngày x 30 ngày = 164.383đ.

Tiền thu lợi bất chính là 900.000đ - 164.383đ = 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

Cùng ngày, chị M tiếp tục vay thêm 10.000.000đ (mười triệu đồng), nhưng chưa trả lãi.

Chị Mùi chưa trả tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho Th.

- Giao dịch với anh Phạm Ngọc Th1:

Lần thứ nhất: Tháng 02/2020 Th cho anh Th1 vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất 5000đ/1triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm, khi vay có viết giấy vay nợ. Th đã thu lãi 9.000.000đ (chín triệu đồng)/60 ngày.

Tiền thu lãi hợp pháp là 30.000.000đ x 20% : 365 ngày x 60 ngày = 986.301đ.

Tiền thu lợi bất chính là 9000.000đ - 986.301đ = 8.013.699đ (tám triệu không trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng).

Lần thứ hai: Tháng 4/2020 Th cho anh Th1 vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 5000đ/1triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm. Tổng nợ gốc lúc này là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), Th thu lãi 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng)/60 ngày.

Tiền thu lãi hợp pháp là 50.000.000đ x 20% : 365 ngày x 60 ngày = 1.643.836đ.

Tiền thu lợi bất chính là 15.000.000đ - 1.643.836đ = 13.356.164đ (mười ba triệu, ba trăm ba mươi lăm nghìn, một trăm sáu mươi tư đồng).

Sau đó, Th1 không có tiền trả lãi, Th đòi nhiều lần nhưng Th1 không trả nên Th đã cho một phần tiền lãi từ tháng 6 đến tháng 9, hứa chỉ lấy 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền lãi trong thời hạn 20ngày/50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Đến 16 giờ ngày 01/10/2020, anh Th1 mang số tiền lãi 5.000.000đ (năm triệu đồng) cùng số tiền gốc 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến trả. Khi đang thực hiện giao dịch thì bị phát hiện, lập biên bản.

Do đó, số tiền lãi thu hợp pháp là 50.000.000đ x 20% : 365 ngày x 20 ngày = 547.945đ.

Tiền thu lợi bất chính là 5.000.000đ - 547.945đ = 4.452.055đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng).

Tổng số tiền mà Th thu lợi bất chính trong giao dịch cho vay với anh Th1 là 25.821.918đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm mười tám đồng).

Như vậy, Bì Văn Th đã thu lãi của những người vay với tổng số tiền là 39.800.000đ (ba mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó: tiền thu lợi hợp pháp là 4.482.190đ (bốn triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi đồng), tiền thu lợi bất chính là 35.317.810đ (ba mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm mười đồng).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Phạm Ngọc Th1 yêu cầu bị cáo trả lại tiền thu lợi bất hợp pháp; anh Nguyễn Văn Tr không yêu cầu

bị cáo trả lại tiền thu lợi bất chính; anh Hoàng Đình D yêu cầu trả tiền gốc để được nhận lại xe, tiền lãi bị cáo thu bất hợp pháp do pháp luật xử lý; chị Nguyễn Thị M không yêu cầu trả lại tiền lãi bị cáo thu bất hợp pháp; anh Nguyễn Văn Qu yêu cầu được trả lại tiền đã vay cho bị cáo để lấy lại xe.

Bản cáo trạng số 209/CT-VKS-QL ngày 22/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu truy tố bị cáo Bì Văn Th về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bì Văn Th từ 20-24 tháng Cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập mỗi tháng số tiền 700.000đ – 800.000đ trong thời gian thi hành án Cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: không áp dụng.

Xử lý vật chứng: Số tiền 23.600.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), trong đó: 10.547.945đ là tiền gốc và tiền lãi hợp pháp Th1 trả cho Bì Văn Th, đây là phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước; 4.452.055đ tiền thu lợi bất chính cần trả lại cho anh Phạm Ngọc Th1; số tiền 8.600.000đ của Bì Văn Th không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo Th. 01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng thu giữ của Bì Văn Th là phương tiện để Th dùng giao dịch cho vay, nhận tiền vay, trả lãi nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. 01 giấy phép lái xe số 400118400602 mang tên Phan Thanh T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 041923 mang tên Hoàng Đình D; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại NOWVO LX màu xanh trắng mang biển kiểm soát 37L1-45921 của anh Nguyễn Văn Qu; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter màu trắng đỏ biển kiểm soát 37L2-19462 của Hoàng Đình D; là những tài sản đưa ra cầm cắm để vay tiền nên cần trả lại cho các chủ sở hữu. 01 xe máy nhãn hiệu HONDA loại WAVE an pha, màu xanh, mang biển kiểm soát 37N3-6452 thu giữ tại nhà Bì Văn Th, giao lại cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu để xác minh, xử lý sau.

Trách nhiệm dân sự: Số tiền gốc và tiền thu lợi hợp pháp là phương tiện phạm tội và tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước, truy thu: của Phạm Ngọc Th1 số tiền 40.000.000đ; của Hoàng Đình D 10.000.000đ, của Nguyễn Thị M 10.000.000đ; của Bì Văn Th 33.934.245đ (gồm gốc: 30.000.000đ, lãi hợp pháp 3.934.245đ); Ghi nhận ý kiến của người liên quan không yêu cầu trả lại tiền bị cáo đã thu bất hợp pháp. Buộc Bì Văn Th phải trả lại cho Phạm Ngọc Th1 số tiền đã thu lợi bất chính là 21.369.836đ.

Án phí: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp

luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Bì Văn Th khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, không tranh luận gì về tội danh. Lời nói sau cùng: Bị cáo rất hối hận, hoàn cảnh khó khăn, xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Hoàng Đình D và anh Nguyễn Văn Qu có mặt: Yêu cầu được nhận lại xe đã cắm cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Bì Văn Th khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 02/2020 đến ngày 01/10/2020, bị cáo cho Phạm Ngọc Th1, Nguyễn Văn Tr, Hoàng Đình D và Nguyễn Thị M vay tiền để lấy lãi suất 3000đ/1 triệu/ngày hoặc 5000đ/1triệu/ngày, thu lợi 35.317.810đ (ba mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm mười đồng). Lời khai của bị cáo phù hợp với Biên bản sự việc, phù hợp với lời khai của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về Lãi suất "1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác". Bị cáo có hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cơ bản được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính 35.317.810đ (ba mươi lăm triệu ba trăm mười bảy nghìn tám trăm mười đồng). Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về lĩnh vực kinh tế, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự. Phạm tội với lỗi cố ý, vì mục đích thu lợi bất chính. Như vậy, hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật

Hình sự như Cáo trạng đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng. Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Có tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo; trong quá trình điều tra tố giác Nguyễn Văn Ch có hành vi cho vay nặng lãi, Ch đã bị Công an huyện Quỳnh Lưu khởi tố về tội "Đánh bạc" (Quyết định khởi tố bị can số 340 ngày 28/10/2020); ông ngoại bị cáo (Lê Văn Ngh) là Liệt sỹ. Bị cáo có nhân thân xấu đã từng bị Tòa án xét xử hai lần. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm, mới có đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung. Xử phạt Cải tạo không giam giữ và khấu trừ thu nhập với mức 400.000đ – 500.000đ/tháng.

[4] Hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự "người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng...". Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Biện pháp tư pháp:

Tiền gốc là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: buộc Bì Văn Th phải nộp số tiền gốc 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) mà người vay đã trả (anh Nguyễn Văn Tr trả 30.000.000đ, anh Phạm Ngọc Th1 trả 10.000.000đ đang được tạm giữ tại tài khoản của Công an huyện Quỳnh Lưu trong tổng số tiền 23.600.000đ); buộc những người vay tiền của Bì Văn Th nhưng chưa trả tiền gốc gồm: anh Phạm Ngọc Th1 phải nộp 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), anh Hoàng Đình D phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng), chị Nguyễn Thị M phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là tiền phát sinh từ tội phạm nên tịch thu, buộc Bì Văn Th phải nộp 4.482.190đ (bốn triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước, được trừ số tiền 547.945đ (năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng) bị cáo thu của anh Phạm Ngọc Th đang được tạm giữ tại tài khoản của Công an huyện Quỳnh Lưu trong tổng số tiền 23.600.000đ.

Số tiền 8.600.000đ (tám triệu, sáu trăm nghìn đồng) của Bì Văn Th trong tổng số tiền 23.600.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng) đang tạm giữ tại tài khoản của Công an huyện Quỳnh Lưu không liên quan đến hành vi phạm tội, trả lại cho Bì Văn Th.

01 điện thoại di động Iphone 8 Plus màu vàng bị cáo Bì Văn Th sử dụng làm phương tiện liên lạc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 01 giấy phép lái xe số 400118400602 mang tên Phan Thanh T; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe

mô tô số 041923 mang tên Hoàng Đình D; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại NOWVO LX màu xanh trắng mang biển kiểm soát 37L1-45921; 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ biển kiểm soát 37L2-19462. 01 xe máy nhãn hiệu Honda loại Wave an pha, màu xanh, mang biển kiểm soát 37N3-6452 qua xác minh của anh Lê Văn M, nhưng anh M khai không biết Bì Văn Th và cũng không vay tiền gì của Th, do đó giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật.

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung màu xanh đã qua sử dụng, có số sêri R58MB2M7EBM của anh Phạm Ngọc Th1 và số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) của chị Hồ Thị L; những tài sản này không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật.

[7] Trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Văn Tr, chị Nguyễn Thị M đều không có mong muốn nhận lại số tiền bị thu lợi bất hợp pháp. Anh Phạm Ngọc Th1, anh Hoàng Đình D có đề nghị được nhận lại số tiền thu lợi bất chính mà Bì Văn Th đã thu vượt quá. Tại phiên tòa một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt nên Hội đồng xét xử không tiến hành giải thích quyền được đòi lại tài sản cho họ được. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bì Văn Th trả lại khoản tiền lãi mà bị cáo thu của người vay vượt quá 20%, cụ thể trả cho: anh Phạm Ngọc Th1 số tiền 25.821.918đ (hai mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi mốt nghìn, chín trăm mười tám đồng); anh Nguyễn Văn Tr số tiền 8.024.658đ (tám triệu, không trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); anh Hoàng Đình D số tiền 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng); chị Nguyễn Thị M số tiền 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

[8] Những vấn đề khác:

Bì Văn Th còn cho Nguyễn Thị D, Trịnh Văn T, Lê Văn T1, Nguyễn Danh Đ, Phan Văn H, Cù Chính H, Hồ Đức Th2, Hồ Văn Ph, Nguyễn Huy H1, Hồ Đình Đ1, Phan Văn Đ2, Nguyễn Viết Đ3 vay tiền để thu tiền lãi. Qua xác minh những người này không có mặt ở địa phương nên chưa làm việc được để làm rõ trách nhiệm. Kiến nghị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu tiếp tục xác minh, làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Th còn cho Nguyễn Văn Qu, Phan Thanh T, Hồ Hữu Kh, cầm cố tài sản để vay tiền nhưng chưa thu tiền lãi nên không có căn cứ xử lý.

Hồ Thị L - là chủ hiệu cầm đồ, cho Th sử dụng các giấy tờ để nhận cầm cố nhưng không biết việc Th thực hiện các hành vi cho vay lãi nặng nên không phải

chịu trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí hình sự: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bì Văn Th 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 09 ngày tạm giữ bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải thi hành 11 (mười một) tháng 03 (ba) ngày. Về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Bì Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã QuCh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An để giám sát, giáo dục.

Khấu trừ thu nhập của bị cáo Bì Văn Th số tiền 400.000đ (bốn trăm ngàn đồng)/tháng trong thời gian thi hành án Cải tạo không giam giữ.

2. Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu, buộc Bì Văn Th phải nộp lại số tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, buộc: anh Phạm Ngọc Th1 phải nộp 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), anh Hoàng Đình D phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng), chị Nguyễn Thị M phải nộp 10.000.000đ (mười triệu đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tịch thu, buộc Bì Văn Th phải nộp số tiền lãi mà bị cáo đã thu 3.934.245đ (ba triệu, chín trăm ba mươi tư nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng), để sung vào ngân sách Nhà nước.

Số tiền 23.600.000đ (hai mươi ba triệu sáu trăm ngàn đồng) hiện đang tạm giữ tại tài khoản số 3591.0.9014412.00000 của Công an huyện Quỳnh Lưu tại Kho bạc Nhà nước huyện Quỳnh Lưu theo Giấy nộp tiền ngày 09/12/2020, được xử lý như sau: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 10.547.945đ (mười triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi lăm đồng); trả lại cho anh Phạm Ngọc Th1 4.452.055đ (bốn triệu, bốn trăm năm mươi hai nghìn, không trăm năm mươi năm đồng); trả lại cho Bì Văn Th 8.600.000đ (tám triệu sáu trăm ngàn đồng).

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, đã qua sử dụng, số sêri F17W6KVYSCM4 của Bì Văn

Th.

Trả lại cho anh Hoàng Đình D: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu trắng đỏ mang biển kiểm soát 37L2-19462 và 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 041923 mang tên Hoàng Đình D.

Trả lại cho anh Phan Thanh T 01 (một) giấy phép lái xe số 400118400602 mang tên Phan Thanh Tuấn.

Trả lại cho anh Nguyễn Văn Qu 01 (một) xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại NOWOLX màu xanh trắng mang biển kiểm soát 37L1-45921.

Giao 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wawe & màu xanh, mang biển kiểm soát 37N3-6452 cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu để tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

4. Trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Bì Văn Th trả lại cho: anh Phạm Ngọc Th1 số tiền 21.369.863đ (hai mươi mốt triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, tám trăm sáu mươi ba đồng); anh Nguyễn Văn Tr số tiền 8.024.658đ (tám triệu, không trăm hai mươi tư nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng); anh Hoàng Đình D số tiền 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng); chị Nguyễn Thị M số tiền 735.617đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm mười bảy đồng).

5. Án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo Bì Văn Th phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a; 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, có mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An

trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CA huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHA Dân sự huyện Quỳnh Lưu;
- THA hình sự;
- Sở Tư pháp;
- UBND xã QuCh (để biết);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ + Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hải Yến